



NAM DƯỢC
Tự hào thuốc Nam người Việt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

Hà Nội, tháng 04/2021



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Dược
- Tên tiếng Anh: NAM DUOC JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595
- Vốn điều lệ: 59.640.000.000 (Năm mươi chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu) đồng
- Địa chỉ: Số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024.62691602 Số fax: 024.62698623
- Website: www.namduoc.vn
- Mã cổ phiếu : NDC
- ***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP- WHO, Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện. Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập được vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm dẫn đầu thị trường. Thương hiệu Nam Dược từng bước phát triển vững mạnh và uy tín trong lòng khách hàng.

Năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải Vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp dược phẩm đầu tiên đạt được giải thưởng này.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Hải Hậu – Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược

Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Tháng 3/2014, Nam Dược vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng Bằng khen vì những thành tích trong công tác kế thừa và phát triển Y Dược cổ truyền Việt nam. Điều này khẳng định sứ mệnh vì sự nghiệp phát triển thuốc Nam của người Việt mà công ty đang theo đuổi.

Tháng 09/2014, Nam Dược vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

Tháng 02/2015, Nam Dược là một trong những doanh nghiệp dược được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia lần thứ hai cho những cam kết về chất lượng trong sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho người tiêu dùng.

Tháng 09/2015, Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương. Điều này khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và bền vững của công ty khi lấy tiêu chí “Cam kết chất lượng” là một trong những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Tháng 11/2015, Nam Dược được Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội phối hợp với Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp vì người Lao động.”

Năm 2016: Nam Dược ký kết “mở rộng hợp tác theo hướng toàn diện” với Viện Dinh Dưỡng quốc gia trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt là sản phẩm cho người già và trẻ em.

Nam Dược ký kết hợp tác với tổ chức Helvetas tại Việt Nam (Biotrade) trong chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cộng đồng về Dược liệu sạch.

Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là sản phẩm số 1 trong dòng Siro ho cảm đông dược trẻ em.

Năm 2017: Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Quất theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Vụ Bản – Nam Định. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.

Nam Dược được chọn là đơn vị điển hình trong mô hình phát triển vùng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, được Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình, đưa tin trên các kênh thời sự quốc gia như VTV1, VTC1, VTC14 cùng các trang báo mạng như dantri.com.vn, vietnamnet.vn...

Là một trong số ít doanh nghiệp Dược áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường. Điểm nhấn ưu việt của hệ thống quản lý 3S ERP là ở tính cập nhật, cảnh báo tức thì khi có các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp sẽ giúp người quản lý hoàn toàn có thể truy xuất ngay được chất lượng sản phẩm và quá trình sản xuất mắc lỗi từ đâu và có những quyết định nhanh chóng, kịp thời, tránh tổn kém cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tốt nhất được chất lượng dược phẩm khi tới tay người tiêu dùng.

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2017, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức. Cuộc điều tra bình chọn (thường niên) HVNCLC năm nay được tiến hành trong 3,5 tháng, với 17.300 phiếu đạt chuẩn, 380 cuộc phỏng vấn với 13.000 hộ gia đình, hàng nghìn đánh giá của người tiêu dùng từ các kênh trực tuyến và 3.000 điểm bán tại 12 tỉnh, thành phố. Vượt qua nhiều tiêu chí “chuẩn hội nhập”- được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt như GMP, ISO, HACCP,..., cùng với các tiêu chuẩn về sự ủng hộ của người tiêu dùng, trách nhiệm xã hội và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, Nam Dược đã vinh dự trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong số doanh nghiệp xuất sắc đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”



Nhãn hàng Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm số 1 được tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2017”. Đây là giải thưởng do người tiêu dùng bình chọn thông qua chương trình bình chọn “Tin và Dùng” do Thời báo Kinh tế Việt Nam – Bộ Công Thương tổ chức.

Nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2017”. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và hiệu quả phục vụ cho chăm sóc, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ nhỏ.

Năm 2018: Với định hướng chuẩn hóa nguồn Dược liệu đầu vào của các sản phẩm theo tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO), năm 2018, Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Cát Cánh tại Bắc Hà – Lào Cai đạt tiêu chuẩn GACP - WHO. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng cho sản xuất, năm 2018, Nam Dược đã tiếp tục xây dựng thành công thêm vùng trồng Húng Chanh (Tàn dày lá) mới tại Huyện Tân Hồng – tỉnh Đồng Tháp theo định hướng GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu sạch) của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO). Và đặc biệt, sau 02 năm nghiên cứu khảo nghiệm, cho tới nay có thể nói Nam Dược đã chuẩn hóa thành công cây dược liệu Phòng Phong tại thị trấn Phó Bảng, huyện Đồng Văn, Hà Giang, Việt Nam. Với sự thành công vượt bậc này, Nam Dược đang dần tiệm cận tới mục tiêu thay thế dược liệu nhập khẩu bằng dược liệu sản xuất trong nước, góp phần nâng cao tính chủ động và chất lượng đầu vào cho các sản phẩm có nguồn gốc từ thảo dược. Phòng Phong – Một vị thuốc chính có trong thành phần thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược

Nam Dược được chọn là đơn vị điển hình trong mô hình phát triển vùng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, được Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình, đưa tin trên các kênh thời sự quốc gia như VTV1, VTC1, VTC14 cùng các trang báo mạng như dantri.com.vn, vietnamnet.vn, VnExpress.vn...

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2018, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức. Cuộc điều tra bình chọn (thường niên) HVNCLC năm nay được tiến hành trong 3,5 tháng, với 17.300 phiếu đạt chuẩn, 380 cuộc phỏng vấn với 13.000 hộ gia đình, hàng nghìn đánh giá của người tiêu dùng từ các kênh trực tuyến và 3.000 điểm bán tại 12 tỉnh, thành phố. Vượt qua nhiều tiêu chí “chuẩn hội nhập”- được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt như GMP, ISO, HACCP,..., cùng với các tiêu chuẩn về sự ủng hộ của người tiêu dùng, trách nhiệm xã hội và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, Nam Dược đã vinh dự trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong số doanh nghiệp xuất sắc đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”.

Năm 2019 được đánh dấu bằng việc củng cố, phát triển hệ thống phân phối bền vững cả chiều rộng và chiều sâu trong hoạt động chăm sóc khách hàng. Các hoạt động nổi bật trong năm thứ 15 của Nam Dược kể từ khi thành lập phải kể đến

Khai trương trụ sở chi nhánh Đà Nẵng. Hoạt động này đánh dấu hoạt động phân phối nhanh và rộng hơn của Nam Dược tại Miền Trung khi mà thời gian giao hàng tại các địa điểm xa như Gia Lai, Kotum, Quảng Nam, Quảng Nam,... được cải thiện đáng kể. Chất lượng chăm sóc khách hàng ngày một củng cố ở khu vực này.

Khánh thành trụ sở văn phòng trụ sở công ty tại 51 Trương Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.



Chuỗi các hoạt động Chào mừng 15 năm thành lập Công ty dành cho khách hàng nội bộ (Cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống Nam Dược) và các hội nghị khách hàng trung gian là các nhà thuốc với những trải nghiệm đặc biệt tại vùng trồng đạt chuẩn GACP-WHO hay khám phá các danh lam thắng cảnh.

Ra mắt nhiều sản phẩm mới như: Kem bôi da Ích Nhi, Bộ bột thanh nhiệt Livecool, Viên ngậm Ích Nhi, Siro Ho Ích Nhi không đường, Kẹo dẻo tăng đề kháng Ích Nhi, Dung dịch vệ sinh phụ nữ Emhappy...

Trao học bổng Nam Dược cho các sinh viên vượt khó tại các Đại học Y Dược trên toàn quốc

Năm 2019, Nam Dược chính thức phát hành cổ phiếu ESOP thưởng cho Cán bộ quản lý điều hành và tăng vốn điều lệ lên 59.640.000.000 (Năm chín tỷ sáu trăm bốn mươi triệu đồng), đồng thời thay đổi mô hình tổ chức như thành lập các chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành phố như: Vinh (Nghệ An), Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ nhằm phát triển hơn quy mô của hệ thống bán hàng trên phạm vi toàn quốc.

Năm 2020: Năm 2020, trong bối cảnh nhiều thách thức khi dịch Covid bùng phát gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống kinh tế xã hội, Nam Dược vẫn tiếp tục giữ vững và đẩy mạnh sự phát triển của các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích Nhi, thuốc Thảo dược Thông Xoang Tán. Sự tăng trưởng nhảy vọt của bộ sản phẩm Sủi thanh nhiệt Livecool trong năm qua cũng cùng cố gam hàng mùa hè và tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2021.

Nam Dược còn cho ra mắt nhiều sản phẩm đầy triển vọng như Viên ngậm An Phế, Cao lỏng xương khớp Nam Dược, tiền liệt tuyến Nam Dược... Đây là thành quả từ sự nhạy bén đưa ra chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn của Ban Điều hành cũng như sự đoàn kết, nỗ lực không ngừng của hơn 500 cán bộ nhân viên Nam Dược.

Năm 2020 đánh dấu với nhiều hoạt động thiện nguyện thiết thực với cộng đồng. Từ chương trình Tặng AMT gạo ở 7 tỉnh với hơn 10 tấn gạo dành tặng người dân ở khu vực gặp khó khăn và chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, phong tỏa, mất việc làm... Tới chương trình tặng máy lọc nước mặn ở tỉnh Bến tre. Chương trình chung tay cùng đồng vào miền Trung vượt qua mùa lũ lịch sử bằng các hoạt động thiết thực như tặng quà, hiện vật ở trường mầm non Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình. Bên cạnh đó, còn nhiều hoạt động thiện nguyện của nhãn hàng Ích Nhi – Công ty Nam Dược dành cho trẻ em miền núi, Khu cách ly Xuân Phương, cùng nhiều hoạt động tài trợ chương trình Chủ nhật đỏ - Hiến máu nhân đạo...

Bên cạnh đó, với Khách hàng là nhà thuốc tại khu vực lũ lụt Miền Trung, Nam Dược thực hiện hoạt động đổi trả sản phẩm bị hỏng do lũ lụt. Chương trình nhận được sự hưởng ứng và đánh giá cao của hệ thống nhà thuốc trên toàn quốc.

Nam Dược tiếp tục duy trì quỹ tặng học bổng cho sinh viên của 09 trường Đại học Y dược trên toàn quốc góp phần chia sẻ trách nhiệm xã hội về giáo dục đối với cộng đồng vì thế hệ tương lai.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	- Bán buôn thuốc, Kinh doanh dược liệu, mỹ phẩm	4649	Chính
2	- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng	4632	
3	Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung dinh dưỡng	1079	
4	Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người)	4610	
5	Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm	7490	
6	Kinh doanh trang thiết bị y tế	4659	
7	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128	
8	Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772	
9	Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722	

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị: **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**: Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này, Cơ Cấu bộ máy quản lý như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Xuân Hạnh

Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Giang

Phó Chủ tịch

Bà Dương Thị Lan

Thành viên

Ông Hoàng Minh Châu

Thành viên

Ông Lê Văn Sản

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga

Trưởng ban

Ông Phạm Thành Đạt

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

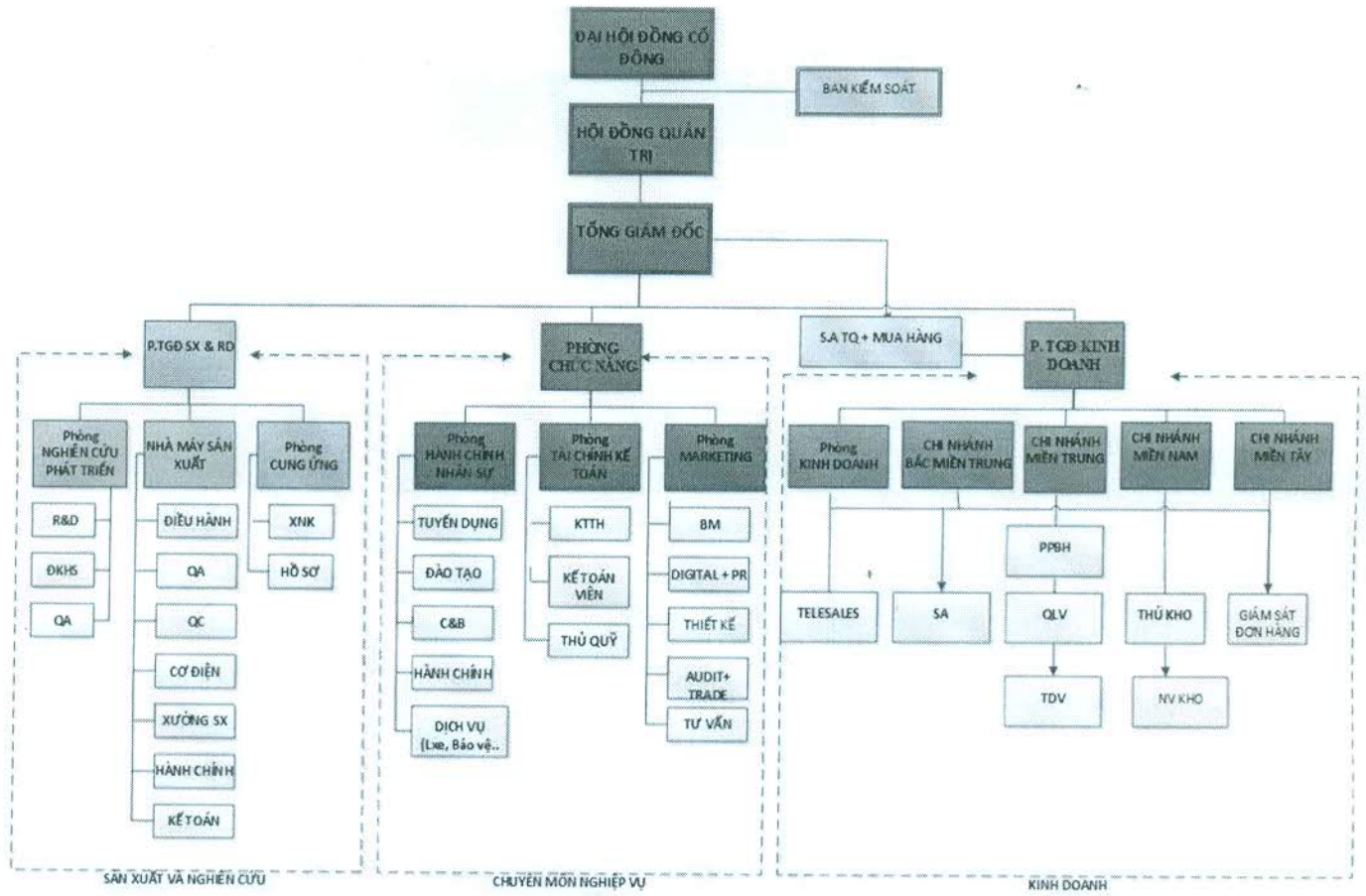
Ông Hoàng Minh Châu

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Sản

Phó Tổng Giám đốc

Sơ đồ tổ chức công ty



4. Định hướng phát triển :

4.1. Đầu tư cho chất lượng sản phẩm:

Nam Dược chú trọng phát triển dược liệu sạch và chuẩn hóa với hơn 80% dược liệu sử dụng là thuốc Nam cùng với 45 vùng trồng dược liệu trên cả nước với việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức và hộ nông dân trong việc sản xuất, cung ứng nguồn dược liệu chuẩn hóa, có chất lượng cao như: Dây thìa canh, Quất, Bạch chi, Đậu nành, Vọng cách, Râu mèo, Hy thiêm tại Nam Định, Đương quy, Đan sâm, Ý dĩ, Đẳng sâm, Cát cánh tại Lào Cai, Cà gai leo tại Hà Nội, Mạch môn tại Phú Thọ, Khôi tía, Phòng phong tại Hà Giang, Kim ngân, Hà thủ ô tại Thái Nguyên, Húng chanh, Diệp hạ châu, Xạ can tại Phú Yên... Nam Dược coi chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để có được khách hàng lâu dài.

4.2. Chiến lược nhân sự:

Nam Dược tổ chức tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và huấn luyện thường xuyên để đội ngũ cán bộ nhân viên đảm đương được công việc theo vị trí được giao, cũng như xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, xứng đáng, công bằng theo 3Ps, chú trọng sự hợp tác minh bạch trong tác nghiệp.

4.3. Tạo dựng bản sắc văn hóa riêng:

Văn hóa “Vi Khách hàng” bao gồm khách hàng tiêu dùng, khách hàng trung gian và khách hàng nội bộ được chú trọng đầu tiên, khách hàng hài lòng thì Nam Dược mới tồn tại và phát triển bền vững, chính sách chăm sóc khách hàng ngày càng được triển khai đa dạng, hợp lý.

4.4. Quy trình quản trị khoa học:



Nam Dược chuẩn hóa các quy trình quản trị trong doanh nghiệp, từ giao việc, đánh giá theo BSC, KPI cho toàn thể nhân viên, đến quản trị bán hàng theo DMS... là những bước tiến trong quản trị để hệ thống hoạt động hiệu quả, thông suốt, đúng kế hoạch và tiến độ.

5. Các rủi ro:

Tiềm năng tăng trưởng của ngành Dược phẩm:

Theo đánh giá của Vietnam Report, dù gặp nhiều khó khăn về sản xuất và công nghệ, nhưng với cơ cấu dân số trẻ đang có tốc độ già hóa nhanh, thu nhập, tình trạng ô nhiễm môi trường và mức độ quan tâm của trên 97 triệu dân đến các vấn đề sức khỏe ngày càng cao, sẽ là động lực cho ngành dược phẩm tiếp tục tăng trưởng. Trong vòng 5 năm tiếp theo, ngành dược Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục nằm trong nhóm 20 quốc gia có mức tăng trưởng mạnh và ổn định nhất thế giới.

Dự báo từ hãng nghiên cứu thị trường IBM về độ lớn thị trường dược phẩm nước ta sẽ đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2021 và lên đến 16,1 tỷ USD năm 2026, với tỷ lệ tăng trưởng kép lên tới 11% tính theo đồng Việt Nam. Hãng nghiên cứu thị trường IMS Health cũng dự báo chi tiêu cho dược phẩm bình quân đầu người tại Việt Nam sẽ nâng lên mức 50 đôla/người/năm vào năm 2020.

Bên cạnh đó, nhiều DN sản xuất dược lớn tiến hành đầu tư nâng cấp nhà máy, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019 - đầu năm 2020, hứa hẹn sẽ tạo những bước phát triển mới cho sản phẩm dược trong nước, nâng cao khả năng cạnh tranh các sản phẩm nhập khẩu.

Theo kết quả khảo sát của Vietnam Report, 100% các chuyên gia nhận định ngành dược Việt Nam trong giai đoạn 2019-2020 sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số, trong đó gần 80% chuyên gia cho rằng tăng trưởng sẽ tiếp tục ổn định ở mức từ 10-15%.

Từ những dữ liệu trên, các chuyên gia Vietnam Report nhận định có 5 xu thế kinh doanh chính của ngành dược là: Mở rộng kênh OTC – bán hàng trực tiếp qua các hiệu thuốc; phát triển các chuỗi bán lẻ dược phẩm; ứng dụng công nghệ thông tin trong mở rộng thị trường dược phẩm trực tuyến; M&A trong ngành dược sẽ tiếp tục sôi động; và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, thực phẩm chức năng và dược mỹ phẩm. Trong đó, các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên, thực phẩm chức năng (TPCN) và dược phẩm được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển và sẽ sớm chiếm tỷ trọng lớn trong doanh số tiêu thụ dược phẩm của Việt Nam trong 5-10 năm tới, tương tự như các nước phát triển thì các sản phẩm này chiếm 50-60% tổng thị trường OTC.

Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh

Kết quả khảo sát các doanh nghiệp trong ngành dược của Vietnam Report đã chỉ ra 6 yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả kinh doanh của DN gồm: Biến động giá nguyên liệu. Theo đó các chuyên gia cho rằng, ngành dược Việt Nam vẫn bị phụ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, trung bình mỗi năm tiêu thụ khoảng 60.000 tấn nguyên liệu dược phẩm các loại, trong đó 80-90% nguyên liệu dược phải nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc và Ấn Độ. Việc phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu khiến ngành dược chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như biến động tỷ giá, nguồn hàng cung cấp; thêm vào đó là chi phí nhập khẩu khiến giá thành xuất khẩu thuốc của Việt Nam cao hơn khoảng 20-25% so với Trung Quốc, Ấn Độ. Thực tế cho thấy, từ giữa năm 2018, giá nhiều nguyên liệu dược phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc đã tăng mạnh từ 15% đến 80%, điều này khiến cho lợi nhuận gộp của nhiều DN giảm sâu. Có một số ít công ty tăng trưởng lợi nhuận trên 2 con số như Công ty dược phẩm TW3, OPC, Imexpharm, đều là những công ty đầu tư đầy mạnh sản xuất thuốc nội và phát triển nguồn nguyên liệu.

Ngoài ra, các quy định chính sách quản lý về chất lượng và giá trong ngành dược cũng là yếu tố tác động mạnh tới kết quả hoạt động của ngành dược bởi tính đặc thù ngành. Theo Vietnam Report, dù Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý ngành dược quản lý của Nhà nước về giá thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc... Tuy nhiên, các quy định pháp lý về ngành chưa thay đổi kịp theo biến động của thị trường, đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện còn nhiều kẽ hở trong quản lý chất lượng, giá thuốc thuốc và quy trình đấu thầu thuốc



tại các bệnh viện (kênh ETC). Cạnh đó, việc dự thảo sửa đổi Thông tư 11/2016/TT-BYT về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế ban hành chậm trễ cũng sẽ khiến doanh thu của nhiều DN từ thị trường ETC chưa đạt như kỳ vọng.

Tiếp đến, cạnh tranh trong ngành dược và tâm lý người tiêu dùng. Theo Vietnam Report, sức ép cạnh tranh trên thị trường dược cũng ngày càng gay gắt khi nhiều DN tham gia vào thị trường dược. Tuy chất lượng của một số thuốc nội tương đương với thuốc ngoại, giá thành lại rẻ hơn nhưng người tiêu dùng vẫn ưu tiên lựa chọn thuốc ngoại do hạn chế về công nghệ và nhân sự chất lượng cao. Bên cạnh đó, tâm lý người tiêu dùng quen sử dụng các sản phẩm cũ theo hướng dẫn của bác sĩ, ngại thay đổi sang các sản phẩm mới. Và cuối cùng là DN dược chưa thực hiện hoạt động truyền thông hiệu quả.

Theo dữ liệu phân tích truyền thông của Vietnam Report, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến hết tháng 11/2018, chỉ 12,6% số DN dược có tần suất xuất hiện tối thiểu 1 lần/tháng, chủ yếu là các DN dược đã niêm yết trên sàn chứng khoán. Xét về độ bao phủ thông tin (phân theo 24 nhóm chủ đề), tài chính/kết quả kinh doanh và cổ phiếu là 2 nhóm chủ đề được đề cập đến nhiều nhất, chiếm hơn 48,6% số lượng thông tin được mã hóa. Về chênh lệch thông tin tích cực và tiêu cực, chỉ 23% số DN đạt được tỷ lệ an toàn 10%. Số liệu này cho thấy, mặc dù đã ý thức được vai trò của truyền thông, nhưng hoạt động truyền thông của các DN dược thực tế còn rất hạn chế.

Đánh giá của các DN dược trong khảo sát của Vietnam Report cũng chỉ ra dược sĩ và chuyên gia trong ngành dược là đối tượng ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của một công ty trong ngành, tiếp đó là các nhà phân phối thuốc (63,64%); báo chí, truyền thông (63,64%); người bệnh, đối tượng sử dụng thuốc, dược liệu (54,55%); lãnh đạo, nhân viên cao cấp của công ty (54,55%). Kết quả khảo sát của Vietnam Report cho thấy, chất lượng sản phẩm là yếu tố ảnh hưởng nhất uy tín của của DN dược với 4,91 điểm (tính theo thang điểm 5) theo đánh giá của công ty dược và 4,58 theo đánh giá của các dược sĩ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	2020	2019	% 2020 so với 2019
Doanh thu thuần	480.000	550.393	489.634	112,4%
Lợi nhuận sau thuế	45.000	71.609	50.517	141,8%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của CTCP Nam Dược

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 550.393 triệu đồng, tăng 12,4 % so với năm 2019 và hoàn thành 114,7% kế hoạch đề ra

Lợi nhuận sau thuế đạt 71.609 triệu đồng, tăng 41,8 % so với năm 2019 và hoàn thành 159,1 % kế hoạch đề ra.

Ngoài chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm 2020 Công ty còn đạt được những thành tích sau:

Hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu:

- Năm 2020, các hoạt động MKT của Nam Dược chú trọng vào các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích nhi, Bảo xuân, Thông xoang tán Nam Dược... với điểm nhấn là “Dược liệu sạch, chuẩn hóa đạt tiêu chuẩn Thực hành trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch của Tổ chức Y tế thế giới GACP-WHO” do khách hàng ngày càng e ngại về dược liệu bản trên thị trường, đây cũng là thế mạnh khác biệt của Nam Dược so với nhiều công ty sử dụng dược liệu thuốc bắc nhập khẩu. Mặc dù thông điệp truyền thông này đã được truyền thông từ nhiều năm trước, nhưng tới năm 2020 mới được người tiêu dùng nhận thức mạnh mẽ qua chiến dịch xuyên suốt của sản phẩm Siro Ho Cảm Ích



Nhi với Thông điệp “Hiệu quả, An toàn từ nguồn dược liệu sạch đạt chuẩn quốc tế GACP-WHO”. Chiến dịch thực hiện đồng bộ trên tất cả các kênh từ Trade MKT là sự hiện diện tại điểm bán tới Digital Marketing và điểm nhấn là TVC giới thiệu về GACP-WHO của Siro Ho Cẩm Ích Nhi để lại dấu ấn trong ngành Dược. Bởi là nhân đầu tiên trong ngành truyền thông sâu rộng về vấn đề này.

- Bên cạnh đó, song song với việc đẩy mạnh thương hiệu của nhãn hàng chiến lược, thì thương hiệu Nam Dược cũng được chú trọng xây dựng theo định hướng bền vững. Uy tín của thương hiệu được khẳng định, xây dựng từ việc nâng cao hiệu quả điều trị của sản phẩm. Từ việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất với hệ thống quản trị chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế 3S ERP, tới việc chuẩn hóa nguồn Gen Dược liệu thông qua ký kết hợp tác với Viện Di Truyền Nông nghiệp, chuẩn hóa vùng trồng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO

- Một số sản phẩm của Nam Dược vẫn duy trì được sự phasat triển về mặt doanh số như Siro ho cảm Ích Nhi, Thông Xoang Tán Nam Dược, ... đặc biệt là nhãn hàng Livecool ra đời ngay thời điểm dịch bệnh COVID bùng phát đã được người tiêu dùng đón nhận.

Hoạt động bán hàng:

Về kết quả bán hàng: Năm 2020 mặc dù có rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid 19 nhưng tình hình kinh doanh của Nam Dược vẫn khả quan đặc biệt là giai đoạn cuối năm khi dịch bệnh được kiểm soát tốt. Tăng trưởng doanh số đạt 115% so với năm 2019.

Về hệ thống bán hàng: Nam Dược cũng đã xây dựng xong 2 chi nhánh Miền Tây và Bắc Miền Trung. Hai chi nhánh chính thức hoạt động từ 1/1/2021, góp phần vào việc phân phối nhanh chóng hàng hóa tới 11 tỉnh Miền Tây và 4 tỉnh của Bắc Miền Trung. Việc khai thác thị trường, chăm sóc khách hàng ở hai chi nhánh này cũng tốt hơn rất nhiều.

Về khách hàng: Công ty đã bán hàng cho 40,000 đối tác là các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc trong năm 2020, so với 2019 số lượng điểm bán tăng trưởng 13%. Số lượng khách hàng mua hàng bình quân/tháng 16,800 khách hàng tăng trưởng 8%. Nam Dược đã tổ chức loạt hội nghị khách hàng tại các tỉnh: Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau, Kiên Giang, Phú Yên, Hòa Bình, Hà Nội được khách hàng đánh giá cao, chương trình giúp thúc đẩy hoạt động tri ân, gắn kết với khách hàng, khách hàng lớn có cơ hội giao lưu và hiểu sâu hơn về hệ thống quản lý chất lượng, chính sách bán hàng, chính sách chăm sóc khách hàng của Nam Dược, các giá trị mà Nam Dược cam kết mang tới cho khách hàng.

- **Về nhân sự bán hàng:** Để đảm bảo việc tăng cường hiện diện hàng hóa và gắn kết, chăm sóc khách hàng hệ thống kinh doanh của Nam Dược đã tuyển dụng thêm 24 người tăng số lượng nhân sự bán hàng toàn quốc lên 164 nhân viên đảm bảo phủ kín thị trường hơn.

Về chính sách bán hàng: Nam Dược kiên định thực hiện chính sách bán bình ổn giá và Audit kiểm soát thị trường phát huy tác dụng tốt, được đại đa số khách hàng ủng hộ. Nam Dược cũng được đánh giá là một trong những đơn vị có mặt bằng giá bán ổn định trên thị trường, nhà thuốc bán hàng của Nam Dược ít bị lo do cạnh tranh giá bán không lành mạnh giữa các nhà thuốc với nhau. Đó là tiền đề để công ty gia tăng độ phủ trên toàn quốc. Năm 2020 các sản phẩm mới đưa ra thị trường cũng đón nhận được nhiều tín hiệu tích cực: Bộ viên sủi thanh nhiệt Livecool hương dưa dăng, viên sủi Livecool Hương chanh, Viên ngậm An phế...

Nam Dược khảo sát, phân tích hệ thống và đưa vào vận hành thử nghiệm hệ thống ERP cho khối kinh doanh.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển:

Năm 2020 tiếp tục đẩy mạnh chiến lược phát triển bền vững, đề hoạt động nghiên cứu có chiều sâu hơn, đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường, nâng cấp chất lượng theo hướng các tiêu chuẩn quốc tế là đòi hỏi cần thiết khi mà mức độ hội nhập của Việt Nam ngày càng sâu rộng với thế giới. Công ty đã quy hoạch và cơ cấu lại tổ chức nhân sự, chú trọng đầu tư hơn cho hoạt động nghiên cứu phát triển để ngày càng hoàn thiện các bộ sản phẩm, các sản phẩm mới có chất lượng tốt, hiệu quả, có mùi vị hấp dẫn, tiện dụng cho người tiêu dùng, danh mục các sản phẩm đưa ra thị trường bao gồm:

Bộ ích nhi tiếp tục cải tiến sản phẩm ho cảm ích nhi, Dầu trầm ích nhi để hấp dẫn hơn về mùi vị, hiệu quả cao hơn, an toàn hơn cho trẻ nhỏ, ra thêm sản phẩm mới kẹo dẻo Calci D dạng lọ tiện dụng hơn cho trẻ nhỏ.

Bổ sung thêm nhiều sản phẩm cho bộ tiêu hóa như cốm Dạ dày, cốm Đại tràng, cốm lợi sữa, ống mát gan giải độc, Viên giao cổ lam.

Bộ sản phẩm cho bộ xương khớp lấy tên là Xương khớp Nam Dược, Sản phẩm cho Nam giới là Tiên liệt tuyến Nam Dược, Niệu kháng Ích Nhân. Bổ sung thêm sản phẩm mới Cao đặc Diabetna cho bộ sản phẩm dành cho người bị tiểu đường.

Hoàn thiện thêm sản phẩm mới có hương vị tự nhiên giúp tăng cường giải độc gan, tăng sức đề kháng trong bộ sản phẩm Livecool như Viên sủi và bột sủi thanh nhiệt Livecool hương chanh bên cạnh các sản phẩm Bột sủi và viên sủi hương dưa gang, bột tan hương dâu bắp, bột sủi không đường hương dưa gang, tăng lựa chọn cho khách hàng giúp nâng cao doanh số.

Nhóm mỹ phẩm đã tiến hành nghiên cứu nhóm sản phẩm mới với nguồn nguyên liệu tự nhiên là thể mạnh của Dược liệu Việt Nam, bên cạnh nghiên cứu công nghệ sản xuất mới để lựa chọn đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm mỹ phẩm.

Hoạt động cung ứng và sản xuất:

Năm 2020, Nam Dược đã tiến hành thẩm định mới cho vùng trồng Phòng phong tại Đồng Văn – Hà Giang và thẩm định lại cho 3 vùng trồng khác là Cát cánh tại Bắc Hà – Lào Cai, Quất tại Vụ Bản – Nam Định, Dây thìa canh tại Hải Hậu – Nam Định. Cùng với vùng trồng Đậu nành tại Vụ Bản – Nam Định đã được thẩm định năm 2018, hiện Nam Dược đã có 5 vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP- WHO đúng như kế hoạch đã đề ra trong năm 2019. Điều này góp phần rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng cho các sản phẩm chiến lược của công ty cũng như nâng tầm thương hiệu của Nam Dược trong ngành y dược Việt Nam.

Cùng với hoạt động xây dựng vùng trồng đạt tiêu chuẩn GACP-WHO cho các sản phẩm chiến lược, Nam Dược cũng triển khai thử nghiệm các vùng trồng mới như: Thử nghiệm trồng Cát cánh, Đan sâm tại Sơn La, trồng Đương quy, Bạch truật, Huyền sâm tại Hà Giang, Dây thìa canh lá to, Húng chanh tại Nam Định. Với phương châm thay thế các dược liệu có nguồn gốc từ Trung Quốc thành các dược liệu được trồng và mọc tự nhiên tại Việt Nam để kiểm soát tốt chất lượng dược liệu cũng như chủ động trong việc xây dựng nguồn cung ứng, Công ty đang tiếp tục xây dựng chương trình chuẩn hóa nguồn dược liệu sạch theo kế hoạch 5 năm 2021-2025 các năm tiếp theo.

Song song với việc chuẩn hóa các vùng dược liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, Nam Dược tiến hành hợp tác về dược liệu với các đơn vị chuyên môn như: Viện Dược liệu, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Môi trường nông nghiệp, Cục Y học cổ truyền, Trung tâm phát triển kinh tế nông thôn (CRED), tổ chức Helvetas của Thụy sỹ, tổ chức Traffic... với mục đích nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với các sản phẩm từ dược liệu của Việt Nam và tiến tới mục tiêu xuất khẩu dược liệu thô và các sản phẩm là thuốc và thực phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc thuốc nam ra thị trường thế giới.

Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 tác động rất tiêu cực đến rất nhiều doanh nghiệp trên thế giới và tại Việt Nam. Việc đóng cửa không giao dịch của nhiều quốc gia, kèm theo sự gián đoạn trong hoạt động logistics dẫn tới chuỗi cung ứng của nhiều doanh nghiệp đã bị đứt gãy. Trong bối cảnh đó, Nam Dược đã nỗ lực để duy trì hoạt động sản xuất được diễn ra bình thường. Nhiều giải pháp đã được triển khai như mở rộng danh mục NCC, dự báo và lập kế hoạch dài hạn, linh hoạt trong tổ chức sản xuất, ... Kết quả là hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty vẫn được thông suốt và công ty về đích vượt kế hoạch đề ra.



Hoạt động giám sát, kiểm tra chất lượng hàng hóa vẫn được thực hiện theo các quy trình chọn lựa rất nghiêm ngặt của công ty. Các nguồn nguyên liệu, dược liệu, bao bì được tổ chức đánh giá theo từng lô cho từng sản phẩm. Nam Dược kết hợp với các nhà cung cấp đánh giá tiêu chuẩn đầu vào tại thực địa, xem xét các quá trình cải tiến để nâng cao chất lượng hàng hóa ngay từ phía nhà cung cấp.

Hoạt động sản xuất vẫn duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng từ bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS. Năm 2018, Nam Dược triển khai áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường.

Hoạt động Tài chính:

Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động nhân sự:

Hoạt động Tuyển dụng: Dược chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;

Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2020, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo Năng lực Lãnh đạo vượt chuyên biến, đào tạo nhận thức về OKR cho đội ngũ cán bộ quản lý để tạo năng lực cạnh tranh, Đào tạo định hướng đội ngũ và cách chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ khách hàng; đào tạo các khóa học về kiến thức sản phẩm, một số kỹ năng chuyên môn khác.

Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên hàng tháng, 06 tháng. Áp dụng chính sách lương 3P cho toàn Công ty. Đánh giá khung năng lực cho toàn đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu công việc. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và huấn luyện, đào tạo lại hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Do dịch COVID, công ty không tổ chức hoạt động Teambuilding offline được nên đã sử dụng các phương tiện online để làm công cụ truyền thông về phòng và trách dịch, động viên CBNV bám sát công việc, bám sát khách hàng, tổ chức làm việc tại nhà cho CBNV những ngày giãn cách xã hội, thực hiện nghiêm chủ trương của chính quyền.....tất cả những thông tin truyền thông của Công ty đều góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Trách nhiệm xã hội: Nam Dược đã tổ chức các phong trào hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng như: Hiến máu nhân đạo, tổ chức trao học bổng cho những sinh viên nghèo vượt khó cho 9 trường Đại học Y được trên toàn quốc và rất nhiều những hoạt động thiện nguyện khác từ sự đóng góp của CBNV và quỹ phúc lợi công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

-Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Tiến sĩ dược Sinh năm 1974	189500
Lê Văn Sản	Phó Tổng giám đốc	Dược sĩ - Sinh năm 1983	72900
Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng	Cử nhân -Sinh năm 1980	23000
Phạm Văn Đông	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ -Sinh năm 1981	39000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc Chi nhánh Miền Nam	Cử nhân -Sinh năm 1984	9000
Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển	Thạc sĩ Dược-Sinh năm 1980	19830



Phạm Vũ Phong	Trưởng phòng Cung ứng	Dược sỹ-Sinh năm 1983	24000
Đỗ Thị Tuyên	Trưởng phòng Hành Chính – Nhân sự	Cử nhân-Sinh năm 1974	65500
Phạm Quang Hòa	Giám đốc bán hàng Miền Bắc	Cử nhân-Sinh năm 1984	6000
Lưu Thị Gấm	Trưởng phòng Marketing	Thạc sỹ Dược-Sinh năm 1983	6000
Tạ Huy Hoàng	Giám đốc chi nhánh Miền Trung	Cử nhân-Sinh năm 1983	5000
Nguyễn Danh Hải	Giám đốc chi nhánh Bắc Miền Trung	Cử nhân-Sinh năm 1979	4000
Võ Thành Hữu Danh	Giám đốc chi nhánh Miền Tây	Cử nhân-Sinh năm 1983	2000

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Không có thay đổi)
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số Cán bộ nhân viên toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	556	100%
Trên đại học	08	1.44%
Đại học	163	29.32%
Cao đẳng	91	16.37%
Trung cấp/ nghề	221	39.75%
Sơ cấp + khác	71	12.77%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư:

- Năm 2020, Công ty đã thực hiện xây dựng và tổ chức khánh thành đưa vào hoạt động văn phòng của hai chi nhánh công ty tại Vinh (Nghệ An) và Cần Thơ.
- Đầu tư công nghệ: Triển khai dự án phần mềm Quản trị hệ thống ERP

Các công ty con, công ty liên kết:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết /số hữu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30

- Đơn vị trực thuộc:

1. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Trung
Địa chỉ: 76, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
2. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Nam
Địa chỉ: U12, Đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Bắc Miền Trung
Địa chỉ: Xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An



4. Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Miền Tây

Địa chỉ: Số 33, đường Phan Đăng Lưu, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	354.816	291.690	21,6%
Doanh thu thuần	550.393	489.634	12,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	83.668	56.862	47,1%
Lợi nhuận khác	-847	-195	
Lợi nhuận trước thuế	82.821	56.667	46,2%
Lợi nhuận sau thuế	71.609	50.517	41,8%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,36	1,91	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,52	1,02	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,19	0,20	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,26	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	4,60	4,36	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,55	1,68	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,20	0,17	



+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,15	0,12	
---	------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 5.964.000 (Năm triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn) cổ phần – cổ phiếu phổ thông

Tỷ lệ cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng = 5% tổng số cổ phần đang lưu hành

Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm ≥ 5%)	2.496.970	41,87%
Cổ đông tổ chức	757.320	12,70%
Cổ đông nhỏ (Người nắm < 5%)	3.467.030	58,13%
Tổng	5.964.000	100 %

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát hành khí thải nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Không có đánh giá

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Tên nguyên liệu, phụ liệu	Khối lượng	Đơn vị	Ghi chú
Các loại dược liệu	15	Tấn/tháng	
Tá dược, hóa dược	2	Tấn/tháng	
Hóa chất sử dụng	30	Kg/tháng	Dùng kiểm nghiệm dược phẩm
Điện	139.373	Kw/tháng	
Than	141	Tấn/tháng	

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/tháng)	Phương pháp xử lý	Đơn vị thu gom
Bã dược liệu	50.000	Thuê dịch vụ	Công ty TNHH Hoa Mai
Bao bì carton, PVC	500	Bán phế liệu	



Rác thải sinh hoạt	750	Thuê dịch vụ	Công ty TNHH Hoa Mai
Xi than	4000	Thuê dịch vụ	Công ty TNHH Hoa Mai

Đánh giá hiện trạng về công tác và công trình xử lý chất thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Hiện tại công ty vẫn đang vận hành tốt hệ thống xử lý khí thải lò hơi, khí thải kiểm nghiệm và các hệ thống xử lý bụi trong các xưởng sản xuất đáp ứng các quy chuẩn khí thải hiện hành.

- Hệ thống xử lý nước thải:

Công ty có các nguồn nước thải chính sau: (Nước làm mát, nước vệ sinh công nghiệp và rửa bao bì, nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt), hệ thống xử lý nước thải có công suất 100m³/ng.đ vận hành tốt đáp ứng QCVN 40: 2011 cột B.

Hiện nay, Công ty có 01 điểm xả thải ra môi trường bên ngoài, đó là: Sau hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra cống chung của khu công nghiệp.

- Hệ thống xử lý chất nguy hại:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại:

- + Khu vực kiểm nghiệm : hóa chất và hỗn hợp hóa chất có chứa các thành phần nguy hại,..
- + Phòng cơ điện : bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải,..
- + Khối văn phòng : mực in và hộp mực in thải,..

Biện pháp xử lý:

Thu gom, theo dõi và phân loại từ nguồn phát sinh → lưu trữ tạm thời tại kho chất thải nguy hại → chuyển giao đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Tính đến ngày 31/12/2020 khối lượng chất thải nguy hại tồn là **806** kg bao gồm hóa chất và hỗn hợp hóa chất có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, mực in thải bỏ và khối lượng bùn thải sau quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải khoảng gần **10.000** kg. Hiện tại công ty đã thực hiện ký hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với Công ty Cổ phần đầu tư & Kỹ thuật Môi trường ETC (tại Nam Định) để thực hiện theo quy định.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/

Mục đích sử dụng	Số lượng sử dụng hàng ngày (m ³ /ngày đêm)	Lượng nước thải hàng ngày (m ³ /ngày đêm)
Sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt	120	40

Trong đó : nước tuần hoàn, trao đổi nhiệt làm mát ~ 2000 m³/tháng (do hệ thống bay hơi qua các thiết bị trao đổi nhiệt không thu hồi được). Nơi tiếp nhận nước thải: đường cống chung của Công ty khai thác hạ tầng KCN.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có



6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/

Số lượng lao động tính đến hết 31/12/2020 là 556 CBNV, mức lương trung bình đạt thông lệ tốt của ngành 15 triệu đồng/ người/ tháng

c) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/

Các chế độ phúc lợi đối với người lao động luôn được đảm bảo: Bồi dưỡng độc hại tại chỗ; Chế độ xăng xe, điện thoại; Chế độ chống nóng bằng sữa; Chế độ chăm sóc đặc biệt cho cán bộ nữ; Chế độ nghỉ mát; Chi thường ngày Lễ, Tết cho CBNV; tặng quà cho cán bộ là con thương binh liệt sĩ; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp Quốc tế thiếu nhi /01/6) và Tết trung thu;

Thực hiện các quy định của pháp luật lao động hiện hành, các hoạt động đối thoại thông qua chương trình Hội nghị người lao động hàng năm, tổ chức công đoàn, các khảo sát nội bộ nhằm tìm hiểu tâm - tư nguyện vọng, cũng như chia sẻ định hướng kinh doanh, kết quả hoạt động của Nam Dược, gắn kết và hài hòa mục tiêu và động cơ cá nhân với mục tiêu chung của tổ chức.

Tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ và các kiến thức về phòng chống dịch Covid 19.

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của Nam Dược đến từng Phòng/Ban và cấp nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết rõ ràng về các mong đợi của Công ty, tạo điều kiện để các cá nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của Nam Dược. Duy trì thực hiện tốt Quy chế đánh giá hiệu quả công việc theo KPI". Hằng tháng, giao và đánh giá hiệu quả công việc của bộ phận và cá nhân làm cơ sở trả lương. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc, hiệu quả làm việc và nỗ lực của bản thân, tạo động lực làm việc cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Nam Dược tổ chức các chương trình đào tạo cho người lao động trong Công ty theo từng chức danh công việc. Đối với nhân viên bán hàng trực tiếp, đào tạo về kiến thức sản phẩm, kiến thức bán hàng, chăm sóc khách hàng... Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, đào tạo kỹ năng đứng máy, các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong sản xuất GMP- WHO.. Đối với CBQL đào tạo kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý và giám sát thực hiện công việc, Kỹ năng lập kế hoạch công việc... Ngân sách chi cho hoạt động đào tạo của công ty năm 2020 lên tới hàng tỷ đồng .

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/

Năm 2020 đánh dấu với nhiều hoạt động thiện nguyện thiết thực với cộng đồng. Từ chương trình Tặng AMT gạo ở 7 tỉnh với hơn 10 tấn gạo dành tặng người dân ở khu vực gặp khó khăn và chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh, phong tỏa, mất việc làm... Tới chương trình tặng máy lọc nước mặn ở tỉnh Bến tre. Chương trình chung tay cùng đồng vào miền Trung vượt qua mùa lũ lịch sử bằng các hoạt động thiết thực như tặng quà, hiện vật ở trường mầm non Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam, trao tặng các nhu yếu phẩm cần thiết cho người dân bị lũ lụt ở các tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình. Bên cạnh đó, còn nhiều hoạt động thiện nguyện của nhân hàng Ích Nhi – Công ty Nam Dược dành cho trẻ em miền núi, Khu cách ly Xuân Phương, cùng nhiều hoạt động tài trợ chương trình Chủ nhật đỏ - Hiến máu nhân đạo...

Bên cạnh đó, với Khách hàng là nhà thuốc tại khu vực lũ lụt Miền Trung, Nam Dược thực hiện hoạt động đổi trả sản phẩm bị hỏng do lũ lụt. Chương trình nhận được sự hưởng ứng và đánh giá cao của hệ thống nhà thuốc trên toàn quốc.

Nam Dược tiếp tục duy trì quỹ tặng học bổng cho sinh viên của 09 trường Đại học Y dược trên toàn quốc góp phần chia sẻ trách nhiệm xã hội về giáo dục đối với cộng đồng vì thế hệ tương lai.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động kinh doanh 2020

Năm 2020, Nam Dược vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới cho tương lai nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2020 sau khi đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% tăng giảm 2020/2019
Tổng tài sản	354.816	291.690	21,6%
Doanh thu thuần	550.393	489.634	12,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	83.668	56.862	47,1%
Lợi nhuận khác	-847	-195	
Lợi nhuận trước thuế	82.821	56.667	46,2%
Lợi nhuận sau thuế	71.609	50.517	41,8%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,13	0,10	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	25%	22%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	20%	17%	
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	15%	12%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2020 đạt 550.393 triệu đồng, tăng 12,4% so với năm 2019 và đạt 114,7% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 71.609 triệu đồng, tăng 41,8% so với năm 2019 và đạt 159,1% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2020 đạt 13%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2020 đạt 25%.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2020, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 42.245 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2020, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	5.964	5.964	100%
Doanh thu thuần	480.000	550.393	114,7%
Lợi nhuận sau thuế	45.000	71.609	159,1%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9%	13%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	417.274	75,8%
Bán bao tiêu	133.119	24,2%
Tổng	550.393	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2020 của CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Đơn vị tính: Làn

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	So sánh 2020/2019
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,36	1,91	1,24
Hệ số thanh toán nhanh	1,52	1,02	1,49
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,26	0,92



Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 2,36 tăng 1,24 lần so với năm 2019 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2020 là 0,24 giảm 0,92 lần so với năm 2019 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2020, Nam Dược có 04 chi nhánh phụ thuộc và 01 công ty thành viên với 100% vốn chủ sở hữu.

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp. Nam Dược đầu tư các hệ thống phần mềm trong quản trị đảm bảo quản trị số liệu minh bạch, quản trị công việc Realtime, tương tác trong hệ thống kịp thời, nhanh gọn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
- Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
- Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;
- Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (*Cổ đông - Đối tác bao tiêu – Cán bộ công nhân viên*). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2020 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải..):** Đã nêu ở phần II. Mục 6.

b. **Đánh giá hiện trạng về công tác và công trình xử lý chất thải:**

1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Hiện tại công ty vẫn đang vận hành tốt hệ thống xử lý khí thải lò hơi, khí thải kiểm nghiệm và các hệ thống xử lý bụi trong các xưởng sản xuất đáp ứng các quy chuẩn khí thải hiện hành.

2 Hệ thống xử lý nước thải:

Công ty có các nguồn nước thải chính sau: (Nước làm mát, nước vệ sinh công nghiệp và rửa bao bì, nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt), hệ thống xử lý nước thải có công suất 100m³/ng.đ vận hành tốt đáp ứng QCVN 40: 2011 cột B .

Hiện nay, Công ty có 01 điểm xả thải ra môi trường bên ngoài, đó là: Sau hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra công chung của KCN.

3. Hệ thống xử lý chất nguy hại:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại:

- + Khu vực kiểm nghiệm : hóa chất và hỗn hợp hóa chất có chứa các thành phần nguy hại,..
- + Phòng cơ điện : bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải,..

+ Khối văn phòng : mực in và hộp mực in thải,..

c. Biện pháp xử lý:

Thu gom, theo dõi và phân loại từ nguồn phát sinh → lưu trữ tạm thời tại kho chất thải nguy hại → chuyển giao đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Tính đến ngày 31/12/2020 khối lượng chất thải nguy hại tồn là **806** kg bao gồm hóa chất và hỗn hợp hóa chất có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, mực in thải bỏ và khối lượng bùn thải sau quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải khoảng gần **10.000** kg. Hiện tại công ty đã thực hiện ký hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với Công ty Cổ phần đầu tư & Kỹ thuật Môi trường ETC (tại Nam Định) để thực hiện theo quy định.

Kết quả giám sát chất lượng môi trường:

Kết quả phân tích chất lượng môi trường về không khí:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	116	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	82,6	500
3	CO	mg/Nm ³	350	1.000
4	NO _x	mg/Nm ³	136	850

Vị trí lấy mẫu : Tại lỗ kỹ thuật của ống khói lò hơi Công ty.

(Trích kết quả phiếu phân tích ngày 25/12/2020)

Kết quả phân tích chất lượng môi trường về không khí:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QĐ 3733-2002/BYT
1	Khí NH ₃	mg/m ³	0,83	25
2	Hơi H ₂ SO ₄	mg/m ³	< 0,002	2
3	Khí H ₂ S	mg/m ³	0,62	15

Vị trí lấy mẫu : Tại khu vực hệ thống xử lý khí thải kiểm nghiệm.

(Trích kết quả phiếu phân tích ngày 25/12/2020)

Kết quả phân tích chất lượng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
1	pH		6,85	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	57	100
3	Độ màu	Pt-Co	132	150
4	COD	mg/l	140	150
5	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	41	50

6	Crom (IV)	mg/l	0,035	0,1
7	Fe	mg/l	0,52	5
8	NH ⁺ (theo N)	mg/l	7,23	10
9	Sunfua	mg/l	0,36	0,5
10	Phenol	mg/l	0,16	0,5
11	Clorua	mg/l	57	1.000
12	Tổng N	mg/l	35	40
13	Tổng P	mg/l	2,75	6
14	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,86	-
15	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,6	10
16	Coliform	MPN/100ml	4.300	5.000

(Trích kết quả phiếu phân tích ngày 25/12/2020)

Công ty đã ký cam kết với Chính quyền địa phương trong việc đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường khi tiến hành các hoạt động của doanh nghiệp như sau:

2. Trong quá trình Xây dựng, vận chuyển và lắp đặt thiết bị, quá trình hoạt động phải đảm bảo các yêu cầu về tiếng ồn được quy định tại QCVN 26:2010/ BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; xử lý khí thải đạt QCVN 19: 2009/ BTNMT trước khi phát thải. Đảm bảo chất lượng môi trường không khí trong nhà xưởng đạt QCVN 05: 2009/ BTNMT. Xử lý toàn bộ nước thải đạt quy chuẩn QCVN: 2008/ BTNMT cột B theo thỏa thuận với Công ty phát triển và khai thác hạ tầng khu công nghiệp.

3. Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khuôn viên của nhà máy riêng biệt. Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình công nghệ đã được mô tả trong bản cam kết.

4. Xây dựng kho lưu trữ chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng cam kết. Quản lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại theo các quy định hiện hành.

5. Lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình công nghệ đã cam kết.

6. Trồng cây xanh trong khuôn viên công ty theo tiêu chuẩn

7. Thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ 6 tháng/ lần với các thông số cam kết

f. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đảm bảo giải quyết việc làm cho hơn 500 lao động tại các địa phương, chính sách phúc lợi đầy đủ, thu nhập ổn định góp phần tạo đời sống vật chất của CBNV đảm bảo theo nhu cầu sinh hoạt của mỗi gia đình.

g. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Tham gia đầy đủ các chương trình với cộng đồng nhằm chia sẻ những khó khăn với các cấp chính quyền địa phương nhất là trong những giai đoạn xảy ra dịch bệnh, lũ lụt...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty (Theo BSC công ty)

Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 (Xem xét và phê duyệt nội dung các văn kiện trình Đại Hội cổ đông)

Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi Nghị quyết ĐHCĐ (trả cổ tức, phân bổ lợi nhuận, triển khai kế hoạch 2020...; các nghị quyết của HĐQT (chi tiết liệt kê tại mục II)

Công bố thông tin và nộp báo cáo theo quy định hiện hành đối với cơ quan nhà nước

Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

HDQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên tham gia họp đầy đủ, đúng theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HDQT.

HDQT đã xem xét kết quả kinh doanh trong kỳ, cũng như đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư và thảo luận các chiến lược kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê chuẩn hàng năm của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của HDQT liên quan đến hoạt động của Công ty được ban hành đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định và phù hợp Nghị quyết ĐHĐCĐ về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm.

HDQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và phối hợp cùng Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua trong Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2016-2020.

Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh trong HDQT	Số cổ phần sở hữu	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch	139.200	Thành viên không điều hành Thường trực HDQT, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động Nghiên cứu, Sản xuất
2	Ông Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322.200	Thành viên độc lập ;Giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong hoạt động tài chính và dự án
3	Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên	189.500	Tổng giám đốc công ty Cổ Phần Nam Dược – Điều hành các hoạt động toàn hệ thống
4	Bà Dương Thị Lan	Thành viên	105.000	Giám sát và hỗ trợ hoạt động Bán hàng, Marketing
5	Ông Lê Văn Sản	Thành viên	72.900	Thành viên độc lập; Phó Tổng Giám đốc công ty CP Nam Dược- Phụ trách hoạt động Bán hàng.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
-----	-----------------	---------	---------------------	-------	---------------------



1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch HĐQT	7	100%	
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch HĐQT	7	100%	
3	Dương Thị Lan	Ủy viên HĐQT	7	100%	
4	Hoàng Minh Châu	Ủy viên HĐQT	7	100%	
5	Lê Văn Sản	Ủy viên HĐQT	7	100%	

Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2020/NQ-HĐQT	19/01/2020	Thông qua kế hoạch sản xuất năm 2020
2	01B/2020/NQ-HĐQT	19/01/2020	Thông qua các chỉ tiêu BSC Công ty năm 2020
3	01C/2020/NQ-HĐQT	19/01/2020	Thông qua chủ trương đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất
4	01D/2020/NQ-HĐQT	19/01/2020	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Nam Dược đối với ông Phạm Văn Đông
4	02A/2020/NQ-HĐQT	25/03/2020	Xin gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
5	03A/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Thông qua các nội dung dự kiến tại Đại hội cổ đông thường niên 2020
6	03B/2020/NQ-HĐQT	21/05/2020	Thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
7	05A/2020/NQ-HĐQT	29/06/2020	Chuyển lợi nhuận chưa phân phối từ công ty TNHH Nam Dược cho công ty Cổ phần Nam Dược
8	05B/2020/NQ-HĐQT	29/06/2020	Triển khai Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 về chia trả cổ tức năm 2019
9	05C/2020/NQ-HĐQT	29/06/2020	Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020: về việc trích lập quỹ phúc lợi người lao động trong hệ thống công ty
10	05D/2020/NQ-HĐQT	29/06/2020	Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020: Về việc chi thù lao HĐQT, BKS
11	06A/2020/NQ- HĐQT	13/08/2020	Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020: Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh bán lẻ trong danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.
12	06B/2020/NQ-HĐQT	13/08/2020	Bổ sung Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty liên quan tới bổ sung ngành nghề Kinh doanh bán lẻ trong danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty.



13	06C/2020/NQ-HĐQT	13/08/2020	Phê duyệt đầu tư phần mềm ERP quản trị hệ thống tại Nam Dược
14	07A/2020/NQ-HĐQT	12/11/2020	Thành lập Chi nhánh Nam Dược Bắc Miền Trung tại Vinh – Nghệ An
15	07B/2020/NQ-HĐQT	12/11/2020	Thành lập Chi nhánh Nam Dược Miền Tây tại Cần Thơ
16	07C/2020/NQ-HĐQT	12/11/2020	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Danh Hải – làm Giám đốc Chi nhánh Bắc Miền Trung
17	07D/2020/NQ-HĐQT	12/11/2020	Bổ nhiệm Ông Võ Thành Hữu Danh – làm Giám đốc Chi nhánh Miền Tây
18	07E/2020/NQ-HĐQT	12/11/2020	Phê duyệt đầu tư mua ô tô cho hoạt động tại Chi nhánh Nam Dược Bắc Miền Trung và Chi nhánh Nam Dược Miền Tây
19	08A/2020/NQ-HĐQT	18/12/2020	Lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020 tại Công ty
20	08B/2020/NQ-HĐQT	18/12/2020	Bổ nhiệm Ông Khuất Văn Mạnh làm phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, cung ứng, nghiên cứu của Công ty
21	08C/2020/NQ-HĐQT	18/12/2020	Phê duyệt đầu tư mua ô tô cho Phó Tổng Giám đốc

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139.200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322.200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	105.000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21.500	0,36%
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	60.690	1,02%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	16.200	0,27%



b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị, đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (BTGD) Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình.
 - Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với đầy đủ các thành viên tham gia để tổng kết kết quả các công việc đã thực hiện trong kỳ, lập kế hoạch cho kỳ kế tiếp và viết báo cáo kiến nghị (nếu có) gửi Hội đồng quản trị (HĐQT).
 - Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Traphaco và các quy định nội bộ trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty.
 - Các thành viên Ban Kiểm soát luôn thể hiện tinh thần độc lập, khách quan và tôn trọng pháp luật trong công tác giám sát mọi hoạt động của Công ty.
 - Các thành viên Ban Kiểm soát luôn nỗ lực bám sát chức năng, nhiệm vụ của Ban, theo sát tình hình hoạt động của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đề xuất các giải pháp khắc phục, góp phần đảm bảo cho hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.
 - Các thành viên Ban Kiểm soát phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành, các phòng ban chức năng và các cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện công việc, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ (quý, năm) để thực hiện công việc giám sát của Ban.
3. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**
Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2020 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020= 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2019.
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Giao dịch phát sinh của Công ty TNHH Ích Nhân do bà Dương Thị Sáu, người có liên quan đến Tổng Giám đốc Hoàng Minh Châu.
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		160.519.159.679	113.893.658.389
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.175.475.035	32.661.014.119
111 1. Tiền		12.175.475.035	25.661.014.119
112 2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	7.000.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.516.887.671	2.065.527.101
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.516.887.671	2.065.527.101
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.490.876.572	24.028.266.952
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	10.648.462.906	10.875.809.942
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.687.783.610	12.944.948.030
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	154.630.056	207.508.980
140 IV. Hàng tồn kho	8	57.528.030.988	53.017.890.712
141 1. Hàng tồn kho		57.528.030.988	53.017.890.712
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.807.889.413	2.120.959.505
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	204.559.225	1.067.215.932
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.603.166.069	1.053.743.573
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	164.119	-



200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.296.932.890	177.796.838.229
220 II. Tài sản cố định		177.824.402.524	173.556.393.442
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	54.042.874.833	49.741.000.494
222 - Nguyên giá		157.186.099.979	144.160.503.336
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(103.143.225.146)	(94.419.502.842)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	123.781.527.691	123.815.392.948
228 - Nguyên giá		125.365.733.816	125.241.018.716
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.584.206.125)	(1.425.625.768)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		12.745.310.968	874.230.800
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	12.745.310.968	874.230.800
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	255.000.000	255.000.000
253 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260 VI. Tài sản dài hạn khác		3.472.219.398	3.111.213.987
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.164.871.206	2.870.320.996
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	307.348.192	240.892.991
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		354.816.092.569	291.690.496.618
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết	31/12/2020	01/01/2020
	minh	VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		67.919.162.125	59.695.177.321
310 I. Nợ ngắn hạn		67.919.162.125	59.695.177.321
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.930.393.690	29.766.674.614
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		269.628.400	127.720.644
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.794.039.755	5.548.393.129
314 4. Phải trả người lao động		34.350.180.136	20.780.198.536
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.026.547.619	1.659.522.181
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.146.791.338	1.740.928.235
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		401.581.187	71.739.982
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		286.896.930.444	231.995.319.297
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	286.896.930.444	231.995.319.297
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		59.640.000.000	59.640.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		59.640.000.000	59.640.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		227.256.930.444	172.355.319.297
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		155.647.799.543	121.837.946.663



421b - LNST chưa phân phối năm nay

71.609.130.901

50.517.372.634

440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

354.816.092.569

291.690.496.618

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	586.547.170.048	516.730.926.300
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	36.153.453.105	27.096.456.126
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		550.393.716.943	489.634.470.174
11 4. Giá vốn hàng bán	21	254.208.103.128	223.587.374.938
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		296.185.613.815	266.047.095.236
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	701.185.971	570.587.159
22 7. Chi phí tài chính	23	260.030.546	1.423.962.453
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		4.826.573	1.422.537.404
25 8. Chi phí bán hàng	24	159.192.810.852	159.570.992.398
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	53.765.201.118	48.759.990.017
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		83.668.757.270	56.862.737.527
31 11. Thu nhập khác		17.262.000	3.693.070
32 12. Chi phí khác	26	864.658.514	198.845.571
40 13. Lợi nhuận khác		(847.396.514)	(195.152.501)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.821.360.756	56.667.585.026
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	11.278.685.056	5.942.905.247
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28	(66.455.201)	207.307.145
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		71.609.130.901	50.517.372.634
61 18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		71.609.130.901	50.517.372.634
70 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	12.007	8.837



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
			Năm 2020	Năm 2019
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		VND	
1	<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>		VND	
	<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
			82.821.360.756	56.667.585.026



02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.905.842.368	7.826.991.818
04 - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.539.540	3.189
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(701.185.971)	(570.587.159)
06 - Chi phí lãi vay	4.826.573	1.422.537.404
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	91.043.383.266	65.346.530.278
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu	(3.458.653.503)	(2.232.358.173)
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho	(4.510.140.276)	(3.568.326.289)
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	4.664.529.426	15.833.267.486
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước	568.106.497	1.884.698.277
14 - Tiền lãi vay đã trả	(4.826.573)	(1.438.071.650)
15 - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.880.440.660)	(5.176.030.301)
17 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.721.896.075)	(4.634.142.050)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	72.700.062.102	66.015.567.578
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(16.765.438.315)	(45.293.564.329)
23 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(14.516.887.671)	(65.527.101)
24 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.065.527.101	-
27 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	661.363.239	561.739.958
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(28.555.435.646)	(44.797.351.472)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	2.840.000.000
33 2. Tiền thu đi vay	-	26.436.624.969
34 3. Tiền trả nợ gốc vay	-	(47.436.624.969)
36 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14.630.100.000)	(11.626.400.000)



40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.630.100.000)	(29.786.400.000)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.514.526.456	(8.568.183.894)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.661.014.119	41.229.201.202
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(65.540)	(3.189)
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	62.175.475.035	32.661.014.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 27/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 51, đường Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 59.640.000.000 đồng (Năm mươi chín tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 5.964.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 513 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 503 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2020, Công ty phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn đến Doanh thu thuần từ bán hàng năm nay tăng 60,76 tỷ đồng so với năm 2019. Đồng thời, Công ty tiếp tục duy trì thực hiện chính sách bán hàng có chiết khấu ổn định so với năm 2019. Tổng hợp các nguyên nhân chủ yếu nêu trên khiến cho Lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 26,15 tỷ đồng so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có một (01) công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính



Công ty TNHH Nam Dược

Nam Định

100%

100%

Sản xuất, kinh

doanh dược phẩm

Trong năm, các công ty con là Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung và Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam đã hoàn tất các thủ tục giải thể hoạt động và đóng mã số thuế theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 12/11/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Nghị quyết số 11G/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam và Nghị quyết số 11H/2019/NQ-HĐQT ngày 12/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Dược về việc giải thể hoạt động của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung.

Do đó, tại thời điểm 31/12/2020, cấu trúc Tập đoàn của Công ty bao gồm 01 công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nam Dược và 01 công ty con - Công ty TNHH Nam Dược.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Tập đoàn kiểm soát (công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con bị giải thể trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến ngày giải thể công ty con đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính





Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

-Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
-Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
-Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
-Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
-Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 năm
-Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
-Phần mềm máy vi tính	03 năm
-Quyền sử dụng đất	10 năm
-Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí chiết khấu thương mại phải trả cho khách hàng, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng



Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm là chi phí lãi vay. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và quy định tại Khoản 3 Điều 34 và Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, công ty con - Công ty TNHH Nam Dược được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

- Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.



Do đó, công ty con - Công ty TNHH Nam Dược lựa chọn hưởng ưu đãi thuế đối với thu nhập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư cho thời gian còn lại theo quy định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Theo đó, năm 2020 là năm cuối cùng công ty con áp dụng ưu đãi thuế suất 10% sau khi hết thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 10% đối với thu nhập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.23 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm và chỉ phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	170.759.713	771.306.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.004.715.322	24.889.707.175
Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	7.000.000.000
	62.175.475.035	32.661.014.119

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,4%/năm.



4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	14.516.887.671	-	2.065.527.101	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.516.887.671	-	2.065.527.101	-
	14.516.887.671	-	2.065.527.101	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 5,35%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với giá gốc của khoản đầu tư tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020 là 255.000.000 VND. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Thiết bị	2.474.230.683	-	2.293.466.910	-
Y tế 3M				
Các đối tượng khác	8.174.232.223	-	8.582.343.032	-
	10.648.462.906	-	10.875.809.942	-
b) Trong đó: Phải thu của				
	-	-	93.995.550	-



khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Hoàng Minh Châu (i)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Quốc tế Công ty TNHH ADC	-	-	1.387.200.000	-
Các đối tượng khác	1.680.952.017	-	-	-
	2.006.831.593	-	2.557.748.030	-
	12.687.783.610	-	12.944.948.030	-
Trong đó: Trả trước	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
cho người bán là các bên liên quan				



(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

- (i) Trả trước cho ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc Công ty theo Hợp đồng đặt cọc ký ngày 15/08/2019 giữa ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Lê Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc ký duyệt, nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ô đất số 25 và số 27 thuộc Lô đất LK-03 tại địa chỉ Khu nhà ở Chung cư phía Đông Đại lộ V.I. Lê Nin, xóm 20, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Minh Châu và bà Dương Thị Sáu) để làm văn phòng làm việc cho Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Bắc Miền Trung của Công ty.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	29.140.900	-	113.506.046	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	15.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	108.789.156	-	68.966.424	-
Phải thu khác	6.700.000	-	10.036.510	-
	154.630.056	-	207.508.980	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.656.691.804	-	22.772.345.554	-
Công cụ, dụng cụ	130.682.318	-	23.015.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.327.679.641	-	3.437.548.297	-
Thành phẩm	24.185.881.544	-	23.046.961.168	-
Hàng hóa	4.227.095.681	-	3.738.020.343	-
	57.528.030.988	-	53.017.890.712	-



9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Mua sắm	6.704.317.736	874.230.800
-Phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM tại công ty con (1)	874.230.800	874.230.800
-Phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM tại Công ty mẹ (2)	772.232.000	-
-Máy móc sản xuất mỹ phẩm (3)	5.057.854.936	-
Xây dựng cơ bản	6.040.993.232	-
-Công trình Văn phòng tại Cần Thơ (4)	5.515.993.232	-
-Công trình hệ thống xử lý nước thải (5)	525.000.000	-
	12.745.310.968	874.230.800

(1) ký ngày 08/01/2018 giữa công ty con - Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG. Theo đó,

Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG sẽ cung cấp bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM cho công ty con với 12 phân hệ với tổng giá trị hợp đồng là 1.092.900.000 VND. Giá trị hoàn thành, nghiệm thu lũy kế đến ngày 31/12/2020 là 874.230.800 VND (tỷ lệ hoàn thành 80% giá trị hợp đồng). Tại thời điểm

31/12/2020, các phân hệ đã được xây dựng hoàn tất và kết thúc hạng mục vận hành thử, chuẩn bị đưa chương trình vào sử dụng chính thức (Go Live). Dự kiến thời gian kết thúc triển khai, nghiệm thu toàn bộ chương trình vào năm 2021.

(2) Mua phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM theo Hợp đồng số 08082020/ITG-NAMDUOC ký ngày 08/08/2020 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG sẽ cung cấp bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM cho Công ty với 06 phân hệ với tổng giá trị hợp đồng là 1.744.500.000 VND. Giá trị ghi nhận dở dang tại ngày 31/12/2020 tương ứng với 50% phí bản quyền và 40% phí triển khai. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, các hoạt động cho việc cài đặt, test thử nghiệm chương trình vẫn đang được tiến hành.

(3) Đầu tư mua sắm các máy móc, thiết bị sản xuất kẹo, mỹ phẩm thuộc Dự án "Đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất kẹo, mỹ phẩm" tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược theo chủ trương đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược thông qua tại Nghị Quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Tổng mức đầu tư dự kiến là 20 tỷ đồng. Dự kiến thời gian hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2021.

(4) Công trình Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty tại số 07, đường Phan Đăng Lưu, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với tổng mức đầu tư xây dựng dự toán là 6.004.781.000 VND. Các hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; điện, nước thô và phần hoàn thiện được giao cho Công ty và Công ty TNHH Sản xuất - Xuất nhập khẩu Đức Huy theo Hợp đồng số 002/2020/ND-ĐH ngày 20/04/2020. Mục đích xây dựng công trình này là làm Trụ sở Văn phòng của Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Miền Tây của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, công trình này đã cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng và đang hoàn tất hồ sơ để nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng

(5) Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải công suất 50/120 m³/ngày đêm theo Hợp đồng kinh tế số 1912/HĐKT-2019 ngày 15/12/2019 giữa công ty con - Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Kỹ thuật môi trường Nam Sông Hồng. Tổng giá trị hợp đồng (chưa gồm 10% VAT) là 750.000.000 VND. Dự kiến thời gian hoàn thành, nghiệm thu toàn bộ công trình và đưa vào sử dụng trong năm 2021.

KHOA C O A / 01/11



10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	53.514.010.283	71.602.818.494	12.944.311.872	2.131.440.698	500.000.000	3.467.921.989	144.160.503.336
- Mua trong năm	845.191.819	3.285.505.011	3.155.701.090	991.202.909	-	-	8.277.600.829
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	350.671.945	281.590.909	126.586.364	-	-	-	758.849.218
- Tăng khác (*)	4.151.054.796	-	-	-	-	-	4.151.054.796
- Phân loại lại trong năm	1.132.254.546	(2.763.464.273)	145.454.545	167.637.000	-	1.318.118.182	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(161.908.200)	-	-	(161.908.200)
Số dư cuối năm	59.993.183.389	72.406.450.141	16.372.053.871	3.128.372.407	500.000.000	4.786.040.171	157.186.099.979
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	21.417.178.810	61.835.516.182	6.278.923.422	1.312.323.538	138.888.890	3.436.672.000	94.419.502.842
- Khấu hao trong năm	3.494.190.247	3.316.926.998	1.399.524.878	184.738.668	166.666.668	185.214.552	8.747.262.011
- Tăng khác (*)	138.368.493	-	-	-	-	-	138.368.493
- Phân loại lại trong năm	157.821.976	(336.492.542)	-	167.637.000	-	11.033.566	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(161.908.200)	-	-	(161.908.200)

Số dư cuối năm	25.207.559.526	64.815.950.638	7.678.448.300	1.502.791.006	305.555.558	3.632.920.118	103.143.225.146
-							
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	32.096.831.473	9.767.302.312	6.665.388.450	819.117.160	361.111.110	31.249.989	49.741.000.494
Tại ngày cuối năm	34.785.623.863	7.590.499.503	8.693.605.571	1.625.581.401	194.444.442	1.153.120.053	54.042.874.833

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 67.635.555.805 VND.

(*) Điều chỉnh vốn hóa chi phí lãi vay của khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 vào giá trị công trình Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty và khấu hao tương ứng theo kết luận tại Biên bản Thanh tra thuế ngày 20/10/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.



11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm	124.158.161.216	732.857.500	350.000.000	125.241.018.716
- Mua trong năm	-	124.715.100	-	124.715.100
Số dư cuối năm	124.158.161.216	857.572.600	350.000.000	125.365.733.816
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	801.428.129	543.114.296	81.083.343	1.425.625.768
- Khấu hao trong năm	-	123.580.353	35.000.004	158.580.357
Số dư cuối năm	801.428.129	666.694.649	116.083.347	1.584.206.125
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	123.356.733.087	189.743.204	268.916.657	123.815.392.948
Tại ngày cuối năm	123.356.733.087	190.877.951	233.916.653	123.781.527.691

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 801.428.129 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	280.584.584
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	32.180.265	578.353.348
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	47.016.230	43.163.816



Phí duy trì tên miền, website	-	8.281.383
Các khoản khác	125.362.730	156.832.801
	204.559.225	1.067.215.932
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.537.887.402	1.583.082.089
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	956.840.276	1.041.684.500
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	102.663.933	-
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	81.345.453	110.925.597
Chi phí trả trước dài hạn khác	486.134.142	134.628.810
	3.164.871.206	2.870.320.996

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	-	-	6.550.544.000	6.550.544.000
- Công ty Cổ phần Truyền hình HiTV	-	-	3.008.000.000	3.008.000.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Thành Minh	-	-	1.166.087.890	1.166.087.890
- Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	2.486.709.087	2.486.709.087	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất	1.887.581.000	1.887.581.000	-	-



Xuất nhập khẩu Đức Huy

- Các đối tượng khác	15.556.103.603	15.556.103.603	19.042.042.724	19.042.042.724
	<u>19.930.393.690</u>	<u>19.930.393.690</u>	<u>29.766.674.614</u>	<u>29.766.674.614</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.307.539.257	25.202.454.472	23.457.446.549	4.052.547.180
Thuế xuất, nhập khẩu	-	19.882.080	19.882.080	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.333.025.413	11.878.267.735	10.880.440.660	2.330.852.488
Thuế thu nhập cá nhân	1.907.828.459	5.928.512.348	7.425.700.720	410.640.087
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	90.367.538	90.531.657	(164.119)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	371.531.986	371.531.986	-
	<u>5.548.393.129</u>	<u>43.491.016.159</u>	<u>42.245.533.652</u>	<u>6.793.875.636</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí cước viễn thông	82.343.208	40.128.658
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	2.552.236.592	1.494.229.989
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	33.000.000	-
Chi phí phải trả khác	358.967.819	125.163.534



	3.026.547.619	1.659.522.181
	33.000.000	-
Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan		
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.542.371	78.185.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.911.000.000	770.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	918.300.000	638.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	295.948.967	254.342.435
	3.146.791.338	1.740.928.235

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	137.832.075.023	194.632.075.023
Tăng vốn trong năm trước	2.840.000.000	-	2.840.000.000
Lãi trong năm trước	-	50.517.372.634	50.517.372.634
Phân phối lợi nhuận	-	(15.994.128.360)	(15.994.128.360)
Số dư cuối năm trước	59.640.000.000	172.355.319.297	231.995.319.297
Lãi trong năm nay	-	71.609.130.901	71.609.130.901



Tăng khác (i)	-	4.371.555.099	4.371.555.099
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	(19.961.737.280)	(19.961.737.280)
Giảm khác (iii)	-	(1.117.337.573)	(1.117.337.573)
Số dư cuối năm nay		59.640.000.000	227.256.930.444
		286.896.930.444	

(i) Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp năm 2005 theo Biên bản kiểm tra thuế của Chi cục thuế quận Đống Đa ngày 09/10/2006 và Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay của khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 vào giá trị công trình Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty theo kết luận tại Biên bản Thanh tra thuế ngày 20/10/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.525.868.640
Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2.525.868.640
Chi trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 25% trên vốn điều lệ <i>(tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.500 VND)</i>	14.910.000.000
	19.961.737.280

(iii) Điều chỉnh giảm khác các khoản thuế TNDN, thuế GTGT và thuế TNCN truy thu, nộp phạt và các khoản khác theo Biên bản Thanh tra thuế ngày 20/10/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và Quyết định số 95346/QĐ-CT-TKT5 ngày 30/10/2020 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.



b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	23,77	14.174.500.000	23,77
Ông Nguyễn Văn Giang	3.222.000.000	5,40	3.222.000.000	5,40
Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	7.573.200.000	12,70	7.573.200.000	12,70
Các cổ đông khác	34.670.300.000	58,13	34.670.300.000	58,13
	59.640.000.000	100,00	59.640.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
-Vốn góp đầu năm	59.640.000.000	56.800.000.000
-Vốn góp tăng trong năm	-	2.840.000.000
-Vốn góp cuối năm	59.640.000.000	59.640.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ</i>		
-Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	638.400.000	904.800.000
-Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.910.000.000	11.360.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>14.910.000.000</i>	<i>11.360.000.000</i>
-Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	14.630.100.000	11.626.400.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>14.630.100.000</i>	<i>11.626.400.000</i>
-Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	918.300.000	638.400.000
d) Cổ phiếu		
	31/12/2020	01/01/2020



Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.964.000	5.964.000
-Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.964.000	5.964.000
-Cổ phiếu phổ thông	5.964.000	5.964.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
USD	406,90	464,27

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	111.538.468.344	84.132.249.677
Doanh thu bán thành phẩm	475.008.701.704	432.598.676.623
	586.547.170.048	516.730.926.300
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	62.628.711.052	54.778.811.490

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	36.114.477.493	25.987.192.488
Hàng bán bị trả lại	38.975.612	1.109.263.638
	36.153.453.105	27.096.456.126



21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	59.082.419.896	43.016.356.435
Giá vốn của thành phẩm đã bán	195.125.683.232	180.571.018.503
	254.208.103.128	223.587.374.938

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	701.185.971	570.587.159
	701.185.971	570.587.159

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.826.573	1.422.537.404
Lỗ giải thể các công ty con	217.924.258	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	24.740.175	1.421.860
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	12.539.540	3.189
	260.030.546	1.423.962.453

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.942.176.792	1.148.685.575



Chi phí nhân công	76.377.842.069	62.606.308.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	998.608.215	548.094.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.720.895.548	93.429.036.572
Chi phí khác bằng tiền	153.288.228	1.838.867.110
	159.192.810.852	159.570.992.398

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.469.177.964	1.634.239.340
Chi phí nhân công	40.484.859.236	30.014.937.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.651.040.202	2.731.846.547
Thuế, phí và lệ phí	226.003.982	309.226.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.696.325.733	11.962.324.767
Chi phí khác bằng tiền	1.237.794.001	2.107.415.455
	53.765.201.118	48.759.990.017

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế GTGT, nộp phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế	350.023.849	17.319.382
Chi phí xuất hủy phụ liệu cũ đã hết số đăng ký và phụ liệu không sử dụng tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược	511.459.505	170.161.819
Các khoản khác	3.175.160	11.364.370
	864.658.514	198.845.571

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm 2020	Năm 2019
----------	----------



	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	5.789.487.238	686.073.127
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	5.489.197.818	5.256.832.120
- Công ty TNHH Nam Dược	5.489.197.818	4.904.991.670
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	-	104.298.235
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	-	247.542.215
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.278.685.056	5.942.905.247
28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI		
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	307.348.192	240.892.991
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	307.348.192	240.892.991
c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	240.892.991	448.200.136
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(307.348.192)	(240.892.991)
	(66.455.201)	207.307.145

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU



Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	71.609.130.901	50.517.372.634
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	71.609.130.901	50.517.372.634
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.964.000	5.716.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.007	8.837

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.469.016.965	151.389.198.855
Chi phí nhân công	137.571.222.333	118.059.527.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.905.842.368	7.826.991.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.291.334.787	110.706.599.827
Chi phí khác bằng tiền	1.626.694.237	4.245.015.087
	399.864.110.690	392.227.333.482

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán

31/12/2020		01/01/2020	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND

Tài sản tài chính



Tiền và các khoản tương đương tiền	62.175.475.035	-	32.661.014.119	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.803.092.962	-	11.083.318.922	-
Các khoản cho vay	14.516.887.671		2.065.527.101	-
	87.495.455.668	-	45.809.860.142	-

Giá trị số kế toán

31/12/2020 01/01/2020

VND VND

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán, phải trả khác	23.077.185.028	31.507.602.849
Chi phí phải trả	3.026.547.619	1.659.522.181
	26.103.732.647	33.167.125.030

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ



chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và tương đương tiền	62.175.475.035	-	-	62.175.475.035
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.803.092.962	-	-	10.803.092.962
Các khoản cho vay	14.516.887.671	-	-	14.516.887.671
	87.495.455.668	-	-	87.495.455.668
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và tương đương tiền	32.661.014.119	-	-	32.661.014.119
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.083.318.922	-	-	11.083.318.922
Các khoản cho vay	2.065.527.101	-	-	2.065.527.101
	45.809.860.142	-	-	45.809.860.142

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	23.077.185.028	-	-	23.077.185.028
Chi phí phải trả	3.026.547.619	-	-	3.026.547.619
	26.103.732.647	-	-	26.103.732.647
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	31.507.602.849	-	-	31.507.602.849
Chi phí phải trả	1.659.522.181	-	-	1.659.522.181
	33.167.125.030	-	-	33.167.125.030

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.103.625.069	26.436.624.969

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	7.103.625.069	47.436.624.969

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Cổ đông lớn (i)
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty/ Vợ của Tổng Giám Đốc
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Người quản lý chủ chốt

(*) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Bà Dương Thị Sáu là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	62.628.711.052	54.778.811.490
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	62.628.711.052	54.778.811.490
Thanh toán/ trả trước tiền mua tài sản	-	9.000.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	-	9.000.000.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	93.995.550
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	-	93.995.550
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	77.327.644
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	-	77.327.644
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	9.000.000.000	9.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	33.000.000	-
- Ông Hoàng Minh Châu	33.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:



Thù lao thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch	388.595.180	356.471.410
2	Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch	388.595.180	356.471.410
3	Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên	388.595.180	356.471.410
4	Ông Lê Văn Sản	Thành viên	388.595.180	356.471.410
5	Bà Dương Thị Lan	Thành viên	388.595.180	356.471.410
Tổng			1.942.975.900	1.782.357.050

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc	3.092.557.059	1.497.168.227
2	Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc	2.682.325.679	1.596.814.228
Tổng			5.774.882.738	3.093.982.455

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, TTLKCK
- Lưu

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đs. Hoàng Minh Châu